

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): Thạc sĩ Kế toán
- Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): ACCOUNTING
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Định hướng: Ứng dụng
- Ngành đào tạo: Kế toán
- Mã ngành: 8340301

(Ban hành kèm theo quyết định số 546/ĐHKTKTCN ngày 30/5/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Công nghiệp)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành kế toán của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chuyên sâu, có hệ thống về kế toán, kiểm toán, nâng cao năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp.

Học viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp trong ngành bằng cách vận dụng tích hợp tư duy hệ thống, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo (AI), sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số và hội nhập quốc tế, đóng góp vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Học viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực sau:

PO1: Vận dụng kiến thức chuyên sâu, có hệ thống về kế toán, kiểm toán; phân tích, đánh giá, và ứng dụng các công nghệ tiên tiến để giải quyết các vấn đề phức tạp thuộc lĩnh vực kế toán trong doanh nghiệp, đơn vị, thúc đẩy công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

PO2: Thành thạo kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu, vận dụng phương pháp NCKH, tư duy phản biện và sáng tạo; đề xuất sáng kiến đổi mới và khởi nghiệp phù hợp; vận dụng công cụ số và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo phù hợp với lĩnh vực kế toán nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kế toán, kiểm toán, tài chính trong doanh nghiệp, đơn vị

PO3: Chịu trách nhiệm và thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội; quản lý hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực kế toán trong doanh nghiệp, đơn vị và tự học suốt đời để thích nghi linh hoạt.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học viên tốt nghiệp ngành Kế toán khả năng:

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CDR
Kiến thức chung			Thang Bloom (6 cấp độ)
1	PLO1	Vận dụng các phương pháp luận và nghiên cứu khoa học để giải quyết các yêu cầu lập luận chuyên môn trong hoạt động kế toán, kiểm toán	3
		PI 1.1. Vận dụng kiến thức về phương pháp luận để giải quyết các yêu cầu lập luận chuyên môn trong hoạt động kế toán, kiểm toán, tài chính	3
		PI 1.2. Vận dụng kiến thức nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo để đưa ra các kết luận chuyên môn trong kế toán, kiểm toán, tài chính.	3
Kiến thức chuyên môn			
2	PLO2	Phân tích kiến thức lý thuyết và thực tiễn chuyên sâu, tiên tiến của ngành kế toán, kiểm toán làm cơ sở cho việc lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá các hoạt động kế toán, kiểm toán trong các loại hình doanh nghiệp, đơn vị.	4
		PI 2.1. Phân tích các kiến thức về lý thuyết và thực tế chuyên sâu để thực hiện việc lập kế hoạch, tổ chức hoạt động kế toán, kiểm toán trong các loại hình doanh nghiệp cụ thể, đơn vị.	4
		PI 2.2. Đánh giá và đề xuất cải tiến các hoạt động về tổ chức công tác kế toán tài chính trong các loại hình doanh nghiệp, đơn vị.	4
3	PLO3	Đánh giá và lựa chọn các công nghệ tiên tiến cùng kiến thức liên ngành phù hợp cho hoạt động thiết kế, mô hình hóa và triển khai giải pháp các hoạt động chuyên môn về kế toán theo định hướng ứng dụng.	5
		PI3.1. Lựa chọn các công nghệ tiên tiến cùng kiến thức liên ngành phù hợp để triển khai các nghiệp vụ chuyên môn về kế toán tài chính trong các doanh nghiệp, đơn vị	4

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CDR
		PI 3.2. Đánh giá các giải pháp công nghệ nhằm thiết kế, triển khai và cải tiến công tác kế toán trong doanh nghiệp, đơn vị một cách hiệu quả.	5
Kỹ năng chung			Thang Dave (5 cấp độ)
4	PLO4	Trình bày và thảo luận các vấn đề chuyên môn dựa trên kết quả nghiên cứu để làm rõ, bảo vệ quan điểm học thuật với người cùng ngành và các bên liên quan.	4
		PI 4.1. Trình bày, phản biện và truyền đạt các ý tưởng, giải pháp chuyên môn một cách rõ ràng, logic, thuyết phục để giải quyết vấn đề phức tạp.	4
		PI 4.2. Chủ động điều phối thảo luận, thảo luận và bảo vệ quan điểm học thuật về các vấn đề chuyên môn	4
Kỹ năng chuyên môn			
5	PLO5	Triển khai phân tích và đánh giá dữ liệu chuyên sâu bằng công cụ số và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo phù hợp, nhằm đề xuất giải pháp khoa học, khả thi trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính.	4
		PI 5.1. Triển khai phân tích dữ liệu kế toán, kiểm toán, tài chính bằng công cụ số và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo phù hợp tại các doanh nghiệp, đơn vị.	4
		PI 5.2. Đánh giá thông tin, dữ liệu kế toán, kiểm toán nhằm đề xuất giải pháp khoa học, khả thi trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính.	4
6	PLO6	Tổ chức và điều hành hoạt động chuyên môn ở mức tiên tiến trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán trên cơ sở nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ một cách sáng tạo.	4
		PI6.1. Tổ chức hoạt động chuyên môn kế toán, kiểm toán, tài chính trên cơ sở ứng dụng công nghệ một cách sáng tạo nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, đơn vị	4
		PI6.2. Điều hành hoạt động chuyên môn kế toán, kiểm toán, tài chính trên cơ sở nghiên cứu phát triển và ứng	4

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CDR
		dụng công nghệ để tối ưu hóa hoạt động chuyên môn trong các doanh nghiệp, đơn vị	
Mức tự chủ và trách nhiệm			Thang Krathwohl (5 cấp độ)
7	PLO7	Thể hiện năng lực tự định hướng phát triển nghề nghiệp, thích ứng với bối cảnh thay đổi và chịu trách nhiệm đối với quyết định chuyên môn.	3
		PI7.1. Thể hiện năng lực tự định hướng phát triển nghề nghiệp	3
		PI7.2. Chủ động thích ứng với bối cảnh thay đổi và chịu trách nhiệm đối với quyết định chuyên môn.	3
8	PLO8	Thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm xã hội; lãnh đạo, hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ gắn với sáng kiến đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và hoạt động cải tiến nâng cao hiệu quả phù hợp bối cảnh tổ chức.	4
		PI8.1. Thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán và tinh thần trách nhiệm xã hội.	4
		PI8.2. Lãnh đạo, hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ gắn với sáng kiến đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và hoạt động cải tiến nâng cao hiệu quả phù hợp bối cảnh tổ chức.	4

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

Đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ bậc 4/6 theo Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành theo Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Kế toán trưởng, trưởng phòng kế toán, kiểm soát viên nội bộ, trưởng ban kiểm soát nội bộ, CEO trong các tập đoàn, tổng công ty, công ty, đơn vị hành chính sự nghiệp.
- Trợ lý kiểm toán, kiểm toán viên trong các công ty kiểm toán.
- Chuyên viên phụ trách kế toán tại các ngân hàng và các bộ phận chức năng về kế toán
- kiểm toán tại các Bộ, các ngành và các cơ quan nhà nước khác.
- Giảng viên giảng dạy tại các trường Cao đẳng, Đại học đào tạo về Kế toán.

- Chuyên viên tại các viện nghiên cứu, các tổ chức xã hội nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực kế toán kiểm toán

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp, với những kiến thức cơ bản và chuyên sâu được tích lũy, người học có khả năng:

- Có đầy đủ khả năng theo học các chương trình nghiên cứu sinh để nhận học vị tiến sĩ ở các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ, nghiệp vụ đáp ứng nhiệm vụ công việc được giao.

- Tiếp tục học tiến sĩ chuyên ngành kế toán hoặc tài chính - ngân hàng và các chuyên ngành liên quan.



3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT		Chuẩn đầu ra của CTĐT							
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành kế toán của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chuyên sâu, có hệ thống về kế toán, kiểm toán, nâng cao năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Học viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp trong ngành bằng cách vận dụng tích hợp tư duy hệ thống, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo (AI), sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số và hội nhập quốc tế, đóng góp vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.									
Mục tiêu cụ thể									
PO1	Vận dụng kiến thức chuyên sâu, có hệ thống về kế toán, kiểm toán; phân tích, đánh giá, và ứng dụng các công nghệ tiên tiến để giải quyết các vấn đề phức tạp thuộc lĩnh vực kế toán trong doanh nghiệp, đơn vị, thúc đẩy công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước	X	X	X					
PO2	Thành thạo kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu, vận dụng phương pháp NCKH, tư duy phản biện và sáng tạo; đề xuất sáng kiến đổi mới và khởi nghiệp phù hợp; vận dụng công cụ số và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo phù hợp với lĩnh vực kế toán, kiểm toán nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kế toán – kiểm toán trong doanh nghiệp, đơn vị				X	X	X		
PO3	Chịu trách nhiệm và thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội; quản lý hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực kế toán trong doanh nghiệp, đơn vị và tự học suốt đời để thích nghi linh hoạt.							X	X

4. Yêu cầu đối với người học

4.1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển. Các ngành phù hợp mà không phải là ngành đúng sẽ phải học bổ sung/ chuyển đổi kiến thức (theo bảng danh mục ngành phù hợp và các học phần chuyển đổi/ bổ sung liên thức). Các trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng tuyển sinh và hội đồng khoa học nhà trường quyết định.

- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

- Danh mục ngành phù hợp và các học phần bổ sung/ chuyển đổi kiến thức

TT	Ngành tốt nghiệp đại học	Các học phần bổ sung/chuyển đổi kiến thức (tên học phần, số tín chỉ)
1	Kế toán, Kiểm toán	Không
2	Nhóm 1: Quản trị kinh doanh Marketing Kinh doanh quốc tế Kinh doanh thương mại Thương mại điện tử Kinh doanh thời trang và dệt may Tài chính – Ngân hàng Bảo hiểm Công nghệ tài chính Nhóm 2: Khoa học quản lý Quản lý công Quản trị nhân lực Hệ thống thông tin quản lý Quản trị văn phòng Quan hệ lao động	- Nhóm 1: 3 TC 1. Kiểm toán căn bản – 000455, 3 TC - Nhóm 2: 6 TC 1. Kế toán doanh nghiệp – 001717, 3 TC 2. Kiểm toán căn bản – 000455, 3 TC

Quản lý dự án Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành Quản trị khách sạn Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống Kinh tế Kinh tế chính trị Kinh tế đầu tư Kinh tế phát triển Kinh tế quốc tế Thống kê kinh tế Toán kinh tế Kinh tế số Kinh tế vận tải Kinh tế xây dựng Kinh tế nông nghiệp Kinh tế công nghiệp	
--	--

- Các qui định khác: Theo qui chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

4.2. Phương thức tuyển sinh:

- a. Xét tuyển: Xét tuyển gồm 3 môn cụ thể:
 - Môn ngoại ngữ: Theo qui chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường
 - Hai môn khác là tổ hợp cao nhất của ứng viên được nhà trường thông báo tại các đợt tuyển sinh hàng năm.
 - Hình thức và quy trình xét tuyển trong mỗi kỳ tuyển sinh do Trường quyết định.
- b. Thi tuyển: thí sinh sẽ thi 3 môn gồm:
 - Môn 1: Nguyên lý kế toán
 - Môn 2: Kế toán tài chính
 - Môn ngoại ngữ: Theo qui chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường

5. Điều kiện tốt nghiệp

Học viên hoàn thành các học phần trong Chương trình đào tạo và đáp ứng đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

6. Chương trình đào tạo

6.1 Cấu trúc chương trình

- Phần kiến thức chung: 06 tín chỉ
- Phần kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành: 45 tín chỉ
 - + Lý thuyết: 39 tín chỉ
 - + Thực hành, thực tập, chuyên đề, tiểu luận: 06 tín chỉ
- Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án): 09 tín chỉ

6.2 Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

Mã học phần	Tên học phần	Khoa/BM thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
I. Phần kiến thức chung			6		
0601002218	Triết học	LLCT	4	(48, 24, 120)	
0601001468	Phương pháp nghiên cứu khoa học	DLKS	2	(24, 12, 60)	
II. Phần kiến thức cơ sở ngành			12		
Các học phần bắt buộc			6		
0601000561	Kinh tế học	DLKS	2	(24, 12, 60)	
0601002278	Thống kê và Phân tích dữ liệu	DLKS	2	(24, 12, 60)	
0601002222	Lý thuyết kế toán	KTKT	2	(24, 12, 60)	
Các học phần tự chọn (Chọn 3 trong các học phần)			6		
0601002279	Tài chính công	TCNH & BH	2	(24, 12, 60)	x
0601002280	Quản trị tài chính DN	TCNH & BH	2	(24, 12, 60)	x
0601002281	Quản trị chiến lược	TM	2	(24, 12, 60)	x
0601002282	Thị trường tài chính và các tổ chức trung gian	TCNH& BH	2	(24, 12, 60)	

Mã học phần	Tên học phần	Khoa/BM thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
0601002283	Quản trị rủi ro	QTKD & Marketing	2	(24, 12, 60)	
0601002284	Quản lý Nhà nước về Kinh tế	DLKS	2	(24, 12, 60)	
III. Phần kiến thức chung của ngành			18		
Các học phần bắt buộc			12		
0601002221	Pháp luật kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	
0601002223	Đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	
0601002998	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	KTKT	3	(39, 12, 90)	
0601002445	Chuyên đề 1: Phân tích tài chính doanh nghiệp	KTKT	3	(0, 90, 90)	
Các học phần tự chọn (Chọn 2 trong các học phần)			6		
0601002291	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
0601002361	Hệ thống chuẩn mực BCTC quốc tế	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
0601002292	Kế toán định giá doanh nghiệp	KTKT	3	(39, 12, 90)	
0601002293	Kế toán ngân hàng thương mại	KTKT	3	(39, 12, 90)	
IV. Phần kiến thức chuyên ngành			15		
Các học phần bắt buộc			9		
0601000446	Kế toán tài chính	KTKT	3	(39, 12, 90)	
0601002286	Kế toán quản trị	KTKT	3	(39, 12, 90)	

Mã học phần	Tên học phần	Khoa/BM thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
0601002448	Chuyên đề 2: Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp	KTKT	3	(0, 90, 90)	
Các học phần tự chọn (Chọn 2 trong các học phần)			6		
0601002287	Kiểm toán tài chính	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
0601002288	Kế toán công	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
0601002289	Hệ thống kiểm soát nội bộ	KTKT	3	(39, 12, 90)	
0601002290	Kế toán hợp nhất kinh doanh và tập đoàn	KTKT	3	(39, 12, 90)	
V. Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án)					
0601002449	Đề án tốt nghiệp	KTKT	9	(0, 540, 0)	
Tổng cộng:		60			

7. Kế hoạch đào tạo

7.1. Thời gian đào tạo toàn khóa: 2 năm

7.2. Khung kế hoạch đào tạo

Mã số học phần	Tên học phần	Thời lượng	Ghi chú
I. Học kỳ 1		12	
0601002218	Triết học	4 (48, 24, 120)	BB
0601001468	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2 (24, 12, 60)	BB
0601000561	Kinh tế học	2 (24, 12, 60)	BB
0601002278	Thống kê và phân tích dữ liệu	2 (24, 12, 60)	BB
0601002222	Lý thuyết kế toán	2 (24, 12, 60)	BB

II. Học kỳ 2		15	
0601002279	Tài chính công	2 (24, 12, 60)	TC
0601002280	Quản trị tài chính doanh nghiệp	2 (24, 12, 60)	TC
0601002281	Quản trị chiến lược	2 (24, 12, 60)	TC
0601002282	Thị trường tài chính và các tổ chức trung gian	2 (24, 12, 60)	TC
0601002283	Quản trị rủi ro	2 (24, 12, 60)	TC
0601002284	Quản lý Nhà nước về Kinh tế	2 (24, 12, 60)	TC
0601002221	Pháp luật kế toán	3 (39,12, 90)	BB
0601002223	Đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán	3 (39,12, 90)	BB
0601002998	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	3 (39,12, 90)	BB
III. Học kỳ 3		18	
0601002286	Kế toán quản trị	3 (39,12, 90)	BB
0601000446	Kế toán tài chính	3 (39,12, 90)	BB
0601002287	Kiểm toán tài chính	3 (39,12, 90)	TC
0601002288	Kế toán công	3 (39,12, 90)	TC
0601002361	Hệ thống chuẩn mực BCTC quốc tế	3 (39,12, 90)	TC
0601002291	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	3 (39,12, 90)	TC
0601002289	Kiểm soát nội bộ	3 (39,12, 90)	TC
0601002292	Kế toán định giá doanh nghiệp	3 (39,12, 90)	TC
0601002293	Kế toán ngân hàng thương mại	3 (39,12, 90)	TC
IV. Học kỳ 4		15	
0601002445	Chuyên đề 1: Phân tích tài chính doanh nghiệp	3 (0, 90, 90)	BB
0601002448	Chuyên đề 2: Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp	3 (0, 90, 90)	BB
0601002449	Đề án tốt nghiệp	9 (0, 540, 0)	BB

7.3. Danh sách giảng viên giảng dạy

TT	Tên học phần	TC	Giảng viên phụ trách	Đơn vị
1	Triết học	4	TS. Bùi Thanh Thủy TS. Lê Thị Lý	LLCT
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo	2	TS. Nguyễn Văn Hợp TS. Phạm Thị Lựa	DLKS
3	Kinh tế học	2	TS. Nguyễn Văn Hợp TS. Lê Thị Kim Chi	DLKS
4	Lý thuyết kế toán	2	TS. Trần Thị Quỳnh Giang TS. Trần Thị Ngọc Thúy	Kế toán Kiểm toán
5	Pháp luật kế toán	3	TS. Hoàng Thu Hiền TS. Nguyễn Thị Thu Hằng	Kế toán Kiểm toán
6	Thống kê và Phân tích dữ liệu	2	TS. Lê Thị Kim chi TS. Phạm Thị Thắng	DLKS
7	Đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán	3	TS. Nguyễn Hồng Anh TS. Nguyễn Thị Ngọc Lan	Kế toán Kiểm toán
8	Tài chính công	2	TS. Đặng Hương Giang TS. Đường Thanh Hải PGS.TS. Nguyễn Thị Bất	TCNH & Bảo hiểm
9	Quản trị tài chính DN	2	TS. Phùng Thị Lan Hương TS Vũ Thị Thục Oanh	TCNH & Bảo hiểm
10	Quản trị chiến lược	2	TS. Nguyễn Thị Chi TS. Nguyễn Thị Phụng	Thương mại
11	Thị trường tài chính và các tổ chức trung gian	2	TS. Đặng Hương Giang TS. Vũ Thị Thục Oanh	TCNH & Bảo hiểm
12	Quản trị rủi ro	2	TS. Lưu Khánh Cường TS. Đoàn Kim Thêu	QTKD & Marketing
13	Quản lý Nhà nước về Kinh tế	2	TS. Phạm Thị Lựa TS. Lê Thị Kim Chi	DLKS

TT	Tên học phần	TC	Giảng viên phụ trách	Đơn vị
14	Kế toán tài chính	3	TS. Hoàng Thị Phương Lan TS. Trần Thị Quỳnh Giang	Kế toán Kiểm toán
15	Kế toán quản trị	3	TS. Nguyễn Ngọc Lan TS. Ngô Thị Trà	Kế toán Kiểm toán
16	Kiểm toán tài chính	3	TS. Nguyễn Thị Ngọc Lan TS. Phạm Thị Thùy Vân	Kế toán Kiểm toán
17	Kế toán công	3	TS. Hoàng Thu Hiền TS. Trần Thị Thắm	Kế toán Kiểm toán
18	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	3	TS. Nguyễn Hồng Anh TS. Nguyễn Thị Ngọc Lan	Kế toán Kiểm toán
19	Hệ thống kiểm soát nội bộ	3	TS. Phạm Thị Thùy Vân TS. Nguyễn Thị Ngọc Lan	Kế toán Kiểm toán
20	Hệ thống chuẩn mực BCTC quốc tế	3	TS. Hoàng Thu Hiền TS. Trần Thị Thắm	Kế toán Kiểm toán
21	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	3	TS. Hoàng Thị Huyền TS. Đinh Thị Kim Xuyên	Kế toán Kiểm toán
22	Kế toán hợp nhất kinh doanh và tập đoàn	3	TS. Trần Thị Quỳnh Giang TS. Hoàng Thị Phương Lan	Kế toán Kiểm toán
23	Kế toán định giá doanh nghiệp	3	TS. Trần Thị Thắm TS. Nguyễn Ngọc Lan	Kế toán Kiểm toán
24	Kế toán ngân hàng thương mại	3	TS. Hoàng Thu Hiền TS. Đặng Hương Giang	Kế toán Kiểm toán
25	Chuyên đề 1 : Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	TS. Nguyễn Hồng Anh TS. Nguyễn Thị Ngọc Lan	Kế toán Kiểm toán
26	Chuyên đề 2: Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp	3	TS. Hoàng Thị Phương Lan TS. Trần Thị Quỳnh Giang	Kế toán Kiểm toán
27	Đề án tốt nghiệp	9	GV có trình độ TS	Kế toán Kiểm toán

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long